

Cuộc chiến tranh ký ức Việt Nam viết lại lịch sử

Giới thiệu: Đây là bản dịch của bài phóng sự thứ hai của một loạt bài phóng sự viết từ Việt Nam mang tựa đề “Đi Việt Nam” của Federico Rampini, đặc phái viên thường trú của nhật báo Ý “La Repubblica” ở Bắc Kinh.

Trúc Bạch, tre trắng, là tên của cái hồ đông vui nhất trong 11 cái hồ quanh thủ đô Hà Nội. Chung quanh hồ Trúc Bạch đầy cửa hàng ăn uống, khách du lịch nước ngoài cũng như từng đàn gia đình Việt Nam ra vô nườm nượp. Thiên hạ đến đây để đi thưởng ngoạn trên hồ bằng những chiếc thuyền đập nước, để ăn kem dọc bờ hồ, để thả diều hay để viếng thăm chùa và đốt một nén hương.

Đi dạo dọc bờ hồ người ta có thể chạm mặt với một cái tượng hơi là lạ, thoát mới nhìn trông cứ như là tượng Đức Chúa bị đóng thánh giá. Thực ra đây là tượng một người phi công đang nhảy dù ra khỏi máy bay. Đây là tượng đài của Việt Nam nhằm ghi nhớ lại một sự kiện lịch sử của thời chiến tranh chống Mỹ, một sự kiện có liên quan trực tiếp đến tù binh Mỹ nổi tiếng nhất. John McCain, nay được 70 tuổi và là Thượng Nghị Sĩ của bang Arizona và rất có nhiều triển vọng sẽ trở thành Tổng Thống Mỹ trong nhiệm kỳ sắp tới (hiện nay là chính khách rất có khả năng sẽ được đảng Cộng Hoà đề cử ra tranh cử Tổng Thống Mỹ năm 2008). Hồi tháng 10 năm 1967, John McCain, lúc đó là phi công Mỹ trong các cuộc oanh tạc Hà Nội, lái chiếc oanh tạc cơ Skyhawk trong một phi vụ trên bầu trời Hà Nội. Máy bay của McCain bị một hoả tiễn Sam chế tạo ở Liên-Xô bắn trúng, và rơi trên hồ Trúc Bạch. Quá đôi kính hải nên McCain bị bất tỉnh và y cùng chiếc dù rơi trên mặt nước của hồ. Bất tỉnh mà lại rơi xuống nước thì đúng ra lúc đó coi như là McCain chắc chắn là bị chết chìm nếu không nhờ có một anh công nhân Việt Nam về hưu tên Mai Văn Ôn nhào kịp xuống hồ kéo McCain lên bờ. Lập tức McCain thành một miếng mồi béo bở – bả của y chính là vị đô đốc chỉ huy toàn quyền của toàn thể hạm đội Mỹ có mặt ở Thái Bình Dương lúc đó (*Đệ Thất hạm đội – Chú thích của người dịch*) – và ngay sau khi khám phá được tông tích của McCain vệ binh Việt Nam đã vội vàng cướp ngay cho mình cái công lao đã bắt-và-cứu mạng McCain: một dôi trá nho nhỏ trong cả một chuỗi dài của những bóp méo sự kiện còn đang bao phủ lịch sử của cuộc chiến.

Ngay trong trung tâm thủ đô còn có một nơi nữa, ở đó ký ức của quá khứ trở nên mơ hồ như đi trong sương mù. Hồi đó Mỹ gán cho nó một cách mỉa mai cái tên “khách sạn Hilton”: đó là nhà tù của các tù binh Mỹ, là nơi mà chính McCain cũng bị giam 5 năm trời. Số mệnh bài trò oái ăm cho cái tên mỉa mai đó: nhà tù nay thì đã bị triệt phá và thay vào đó là một khách sạn cao cấp thuộc hạng 5 sao, còn về phía nhà tù năm xưa thì nay người ta chỉ còn giữ lại một chái và biến nó thành bảo tàng viện. Trong các xà lim người ta trưng bày những hình ảnh tư liệu về những hành động ngược đãi dã man mà thực dân Pháp đã đối đãi với những tù nhân chính trị Việt Nam trong suốt thời chiến tranh Đông Dương. Gần đó thì có những lời chú thích cho biết rằng ngược lại miền Bắc Việt Nam luôn luôn “đối xử nhân đạo” với các tù binh Mỹ, hằng ngày các tù binh nhận được tiêu chuẩn thực phẩm “còn cao hơn cả tiêu chuẩn bình thường của nhân dân chúng tôi (Việt Nam)”. Sự đối trá đã có lần làm giật nảy Pete Peterson, Đại sứ đầu tiên của Mỹ (sau chiến tranh) do Bill Clinton cử sang Hà Nội năm 1997 khi hai nước bắt đầu tái lập quan hệ ngoại giao.

Peterson cũng đã từng là “P.O.W” (Prisoner Of War – tù nhân chiến tranh), và trong xà lim của khách sạn Hilton y cũng đã từng bị đánh đập và đói khát vì tiêu chuẩn ăn uống chủ yếu chỉ là canh rau cỏ.

Ngay cả McCain, trái với tiếng đồn đãi như người hùng mà thiên hạ đã gán cho y, khi bị tra tấn McCain cũng đã phải khai ra rất nhiều thông tin, nhiều hơn mức độ mà quy chế nội bộ trong quân

đội Mỹ cho phép được khai khi bị bắt làm tù binh. Đây là một trong những chi tiết mà các đối thủ chính trị của McCain ở Mỹ đã vội vàng tung ra khi y trở thành người khởi xướng đề nghị hoà giải với Việt Nam và đã khiến những phe nhóm cực đoan của “phong trào cựu chiến binh” thù ghét y. Thật đúng là vật đổi sao dời, những người Việt Nam khi xưa tra tấn McCain thì nay lại tung hô y và hy vọng có ngày thấy y ngồi chễm chệ trong Nhà Trắng, còn ở Mỹ thì ngược lại cánh hữu không mấy gì tin vào McCain.

Ở Việt Nam, công việc nhìn lại lịch sử chẳng phải là điều gấp gáp cho lắm. Tôi có dịp đi thăm viếng khu vực huyền thoại nổi tiếng địa đạo Củ Chi nằm cách thành phố Hồ Chí Minh 70 cây số về phía Bắc, một kỳ công của tài khéo léo của Việt Cộng: một mạng lưới địa đạo với 200 cây số đường hầm chập hẹp dưới lòng đất, có nơi có đến 3 tầng hầm, dùng làm kho vũ khí, núp quân, nơi ăn nghỉ, nhà bếp, với những lối ra vào hướng về phía sông (sông Sài Gòn) được nguy trang cực kỳ khéo léo, và khiến trong nhiều năm địch thủ truy lùng mấy cũng không khám phá ra được. Hôm nay, ở địa đạo Củ Chi này người ta chỉ bắt gặp toàn là du khách Mỹ, một vài người Pháp và từng đoàn du khách Nhật. Chẳng thấy có người Việt Nam nào quan tâm đi thăm chỗ này.

Đi thăm “viện bảo tàng tố cáo tội ác chiến tranh” ở Sài Gòn cũng thấy gần như hầu hết toàn là người nước ngoài, ở đây du khách phương Tây có dịp đắm mình trong ký ức của thời thập niên 60. Nơi đây trưng bày đủ tất cả các hình ảnh nổi tiếng ghi lại sự hung bạo tàn khốc của một cuộc chiến đã đánh dấu những thử thách chính trị đầu tiên của cả một thế hệ, đã để lại dấu ấn cho phong trào đấu tranh 68, và vĩnh viễn nằm trong sổ hình lưu niệm của cả cánh tả trên thế giới. Nhưng nơi đây cũng là bằng chứng hiển nhiên để cho thấy rằng cuộc chiến tranh vừa qua chỉ mới được trưng bày từ một phía: để xây dựng viện bảo tàng về tội ác chiến tranh, chính phủ (Việt Nam) đã vơ vét hết tất cả các thư khố hình ảnh của các tạp chí Time-Life, trưng bày tất cả những bức ảnh nổi tiếng nhất của các nhiếp ảnh viên chiến trường phương Tây, một loại sưu tập các giải Pulitzer, chứng nhân của thời oanh liệt nhất của làng báo Mỹ (Tướng William Westmoreland, đã từng là Tổng Tư lệnh quân đội Mỹ ở miền Nam Việt Nam, đã phải tuyên bố rằng: “Mỹ đã không thua trận trên chiến trường, mà là thua trận trên các cột báo của New York Times”). Đây chỉ là một ký ức què quạc (không toàn vẹn) và một chiều; chẳng thấy có gì nói về những người lính miền Bắc Việt Nam. Có hình của tạp chí Life về vụ thảm sát ở Mỹ Lai – 500 phụ nữ và trẻ em bị lính Mỹ giết – nhưng chẳng thấy dấu tích gì về những cuộc thảm sát và hố chôn tập thể của 3 ngàn thường dân Việt Nam mà tướng Giáp đã hạ lệnh thi hành ở Huế hồi Tết Mậu Thân 1968.

Dĩ nhiên ở đời thì lịch sử là do người chiến thắng viết lên, nhưng trong trường hợp của Hà Nội, việc lãng quên những trang sử đen tối nhất cũng có nghĩa là còn che dấu những vết thương của đất nước. Chỉ cần nhìn người hướng dẫn viên du lịch đất tôi đi thăm địa đạo Củ Chi, khi anh ta dẫn tôi vào xem những nơi chứa đầy ký ức là có thể minh chứng được điều nói trên. Dù là được sinh đẻ sau chiến tranh và chắc chắn là được giáo dục đúng bài bản về lòng yêu nước của chế độ, nhưng là người Sài Gòn cho nên anh ta luôn mồm gọi một cách rất tự nhiên “Chiến thắng của miền Bắc”, “quân đội miền Bắc tiến vào Sài Gòn”. Chẳng bao giờ nghe anh ta dùng từ vựng “thống nhất” là một tín hiệu ở thời Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Bác Hồ mất năm 1969 và không nhìn tận mắt được kết thúc của cuộc chiến. Tinh thần đoàn kết dân tộc đất nước đã bị thế hệ thứ hai của những nhà lãnh đạo cộng sản Hà Nội phản bội vì không đủ khả năng vượt qua những hiểm khích đồ kỵ cô xưa: từ hơn 3 ngàn năm miền Bắc Việt Nam sống theo khuôn mẫu Không giáo và chịu ảnh hưởng của Trung Quốc, miền Nam thì ngược lại thấm nhuần đạo lý của Phật Giáo nhiều hơn và chịu ảnh hưởng của một nền văn minh thoát thai từ Ấn Độ (1). Dưới thời Pháp thuộc, Việt Nam đã bị chia ra thành 3 vùng: Tonchino, Annam và Cochincina và việc phân chia 3 vùng không phải chỉ đơn thuần là một sự phân chia giả tạo của thực dân. Sự hoà đồng giữa các bộ phận chưa bao giờ thực sự dễ dàng cả. Tướng Giáp đã hạ lệnh thủ tiêu hàng ngàn đồng chí yêu nước không cộng sản trong những đợt thanh trừng ở hậu cứ.

Ngay sau khi Sài Gòn vừa được tiếp quản, thì Việt Cộng – những người kháng chiến cộng sản ở miền Nam – đã nhanh chóng bị gạt qua một bên và tất cả quyền hành đều vào tay cán bộ miền Bắc. 400 ngàn dân miền Nam đã bị quy tội cộng tác với Mỹ và đã bị đẩy đi vào các trại học tập cải tạo, 2 triệu người bị bắt đi về nông thôn, 1 triệu thuyền nhân vượt biên chạy trốn ra ngoài.

Với giọng hài hước đắng cay, một số trí thức bất đồng chính kiến với Chính phủ đã lên án Hà Nội đã hoà giải hoà hợp với Mỹ trước khi hoà giải hoà hợp với chính người dân miền Nam.

Sau khi chiến tranh chấm dứt, trong quyển “Nhật ký của một Việt Cộng”, Trương Như Thăng đã viết: “Những người tiếp nối Bác Hồ đã phân bội lại tinh thần hoà giải hoà hợp. Tất cả những hy sinh, kể cả mạng sống, của nhiều người để làm ra một thế hệ mới, hôm nay đều đã biến thành tro bụi và bị vát vào một xó”.

(còn tiếp)

Dịch từ bài “La guerra della memoria – il Vietnam riscrive la storia” của đặc phái viên thường trú nhật báo La Repubblica ở Bắc Kinh– Nhật báo La Repubblica – 03/09/2006

(1)

Nói rõ hơn thì khu đất của ba nước Campuchia, Lào và Việt Nam là nơi “hội tụ” của hai nền văn minh Trung Quốc và Ấn Độ. Chữ Indochina (Đông Dương) là thoát thai từ hai chữ India và China. Lịch sử xoay vòng, ngày nay các nhà nghiên cứu kinh tế thế giới lại chế ra từ “Chindia” để ám chỉ một mô hình phát triển kinh tế mới bao gồm Trung Quốc và Ấn Độ

(<http://en.wikipedia.org/wiki/Chindia>).

Kinh tế thực dân xưa thì gọi Indochina, kinh tế toàn cầu hôm nay thì gọi Chindia. Hai cái xứ khổng lồ này lúc nào cũng có “giao điểm” với nhau – Chú thích thêm của người dịch.